

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số 62/2024/DS-PT

Ngày 16/7/2024

V/v “*Tranh chấp bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Trường.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Cường; bà Đoàn Thị Hương Nhu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 24/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2024/QĐXX-PT ngày 08/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐ-PT ngày 07/5/2024 và các thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH V.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Minh T, Chức vụ: Giám đốc Công ty/Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T1, bà Lưu Thị H, ông Bùi Việt B - Văn phòng Luật sư Mặt Trời M. Địa chỉ: Số A ngõ C N, phường T, quận H, thành phố H mặt bà H, vắng mặt ông T1 và ông B.

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin J, Chức vụ: Giám đốc Công ty/Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H1, Luật sư - Văn phòng L và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số E đường L, quận Đ, thành phố H mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Công ty TNHH H3.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Đ, Chức vụ: Giám đốc Công ty/Vắng mặt.

**5. Người kháng cáo:**

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V (nguyên đơn).
- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S (bị đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty TNHH V) thuê nhà xưởng A6 của Công ty TNHH H3 (viết tắt là Công ty TNHH H3) và được bàn giao từ ngày 01/3/2018. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/10/2021, xảy ra vụ cháy tại Nhà xưởng A5 của Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty TNHH S) đã làm cháy lan sang nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V liền kề. Công ty TNHH V đã tìm mọi biện pháp để khắc phục cùng với đơn vị Phòng cháy chữa cháy Hải Dương để bảo vệ tài sản và nhà xưởng nhưng hậu quả thiệt hại quá lớn, không thể tiếp tục sản xuất kinh doanh. Kết luận giám định số 3891/C09-P2- ngày 14/11/2021 của V1, Bộ C1 kết luận: *Điểm xuất phát cháy nằm ở khu vực giáp tường phía Tây, cách tường phía Nam 14,5m, bên trong xưởng sản xuất của Công ty TNHH S thuê nhà xưởng A5 của Công ty TNHH H3, có địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nguyên nhân cháy: do chập mạch điện ở ổ cắm điện, gần trên tường phía Tây, làm cháy lớp vỏ cách điện, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên.* Việc cháy nhà xưởng của Công ty TNHH V vào ban đêm là sự kiện bất khả kháng, gây thiệt hại nặng nề toàn bộ máy móc, thiết bị đang hoạt động trong nhà xưởng; các tài liệu chứng minh về số lượng tài sản trong nhà xưởng đã bị cháy hết; máy móc thiết bị không có bảo hiểm nên căn cứ vào Phụ lục thống kê thiệt hại tài sản của Công ty TNHH V; Phụ lục nguyên liệu phối bán thành phẩm tháng 9 của Công ty TNHH V ngày 27/6/2022, do Công ty TNHH V lập; tờ khai hải quan; Hóa đơn giá trị gia tăng; tại Đơn khởi kiện Công ty TNHH V yêu cầu Công ty TNHH S bồi thường thiệt hại 4.784.352.604đ. Trước và tại phiên tòa Công ty TNHH V thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản thứ tự số 8,9, 15, 17 Phụ lục thống kê thiệt hại tài sản thiết bị máy móc và toàn bộ tài sản trong phụ lục nguyên phối tháng 9; Công ty TNHH V đề nghị Công ty TNHH S bồi thường thiệt hại giá trị các

tài sản còn lại (mục 01-07, 10-14 và 16) theo Phụ lục thống kê thiệt hại tài sản thiết bị máy móc sau khi đã tính toán trừ khấu hao còn lại là 1.399.278.060đ.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/10/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2023; Phụ lục thống kê thiệt hại tài sản thiết bị máy móc theo khấu hao.

Đối với yêu cầu độc lập của Công ty TNHH H3, Công ty TNHH V bác bỏ toàn bộ vì cơ bản các yêu cầu đã được giải quyết xong tại Biên bản thỏa thuận bồi thường giữa Công ty TNHH H3 và Công ty TNHH S ngày 18/7/2022.

*Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông H1) trình bày:* Công ty TNHH S thuê nhà xưởng của Công ty TNHH H3; sau 04 năm hoạt động thì ngày 11/10/2021 bị cháy. Công ty TNHH S đã nhiều lần mời Công ty TNHH H3 bàn bạc giải quyết nhưng không có kết quả. Sau đó Công ty TNHH S đã khởi kiện ra tòa đề nghị được chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng. Vụ kiện giữa hai Công ty đã được khép lại bằng 2 Biên bản thỏa thuận, thực hiện bồi thường xong việc cháy xưởng trong đó đã có cả phần bồi thường nhà xưởng A6 mà Công ty TNHH V thuê của Công ty TNHH H3 và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ kiện. Nay Công ty TNHH V yêu cầu các khoản được thống kê trong đơn khởi kiện, Công ty TNHH S không đồng ý vì Nhà xưởng bị cháy Công ty TNHH S đã bồi thường rồi; còn các tài sản khác Công ty TNHH V yêu cầu đều không có căn cứ. Nếu Việt H2 có giao nộp tài liệu chứng cứ thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H3 liên quan đến nhà xưởng A6 đã được Công ty TNHH H3 yêu cầu phản tố trong vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2021/TLST-KDTM ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng; đã được Công ty TNHH S thỏa thuận giải quyết xong rồi, nay Công ty TNHH H3 vẫn tiếp tục yêu cầu đối với Công ty TNHH V, do vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ bị đơn giao nộp: Bản phô tô Biên bản thỏa thuận ngày 18/7/2022 và Biên bản xác nhận v/v giao nhận và chuyển tiền.

*Tại Đơn yêu cầu độc lập, B1 tự khai và lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH H3 do ông Vũ Văn Đ đại diện) trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, Công ty TNHH H3 không liên quan, không có ý kiến gì. Đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Công ty TNHH V và Công ty TNHH H3 ký với nhau Hợp đồng thuê và cho thuê văn phòng, nhà xưởng số 100118HĐNT ngày 10/01/2018 tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, trên tinh thần thiện chí tự nguyện. Thời hạn của Hợp đồng này được bắt đầu kể từ ngày ký kết 01/3/2018; chính là ngày bàn giao tài sản có chữ ký và con dấu của hai Công ty. Biên bản bàn giao ghi rõ thỏa thuận “*Nếu để xảy ra cháy nhà xưởng Công ty TNHH V phải bồi thường mới 100% cho Công ty*

TNHH H3”. Khi đang trong thời hạn thuê, Công ty TNHH V đang quản lý, sử dụng tài sản thuê thì vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/10/2021 xảy ra sự kiện cháy nhà xưởng số 4 (A5), sau đó cháy lan sang nhà xưởng A6; hậu quả Nhà xưởng số 04 (A5) và nhà xưởng A6 cùng nhiều tài sản của Công ty TNHH V có trong nhà xưởng A6 bị hủy hoại do cháy; nhà xưởng sập xuống không còn giá trị sử dụng. Tại Thông báo Kết luận giám định số 373/TB ngày 29/11/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện C thông báo: Nguyên nhân cháy: Cháy phát hiện khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/10/2021 tại nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH S (A5) sau đó lan sang nhà xưởng của Công ty TNHH V (A6) thuê của công ty TNHH H3. Điểm xuất phát cháy nằm ở khu vực giáp tường phía Tây, cách tường phía Nam 14,5m, bên trong nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH S(A5) của Công ty TNHH H3; nguyên nhân cháy do chập mạch điện ở ổ cắm, gần trên tường phía Tây làm cháy lớp vỏ cách điện, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy. Sau khi xảy ra vụ cháy, Công ty TNHH H3 đã nhiều lần điện thoại và gửi Thông báo cho Công ty TNHH V nhưng Công ty TNHH V không trả lời và cử người đến giải quyết. Công ty TNHH V đã vi phạm hợp đồng đã ký hai bên và không trả nhà xưởng khi đến hạn, nay Công ty TNHH H3 yêu cầu:

1. Công ty TNHH V phải bồi thường thiệt hại tài sản là Nhà xưởng A6 đã bị cháy là 6.151.195.000đ, chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng (VAT = 10%);

2. Buộc Công ty TNHH V phải trả số tiền thuê nhà xưởng năm thứ 5 của hợp đồng là:  $42.240 \text{ USD} \times 23.750 = 1.003.200.000\text{đ}$ .

3. Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Công ty TNHH H3 chi phí thuê dọn dẹp tài sản thuê theo hợp đồng với thời gian 01 tháng, thành tiền là:  $01 \text{ tháng} \times 3.520 \text{ USD/tháng (theo đơn giá thuê)} \times 23.750\text{đ}/01 \text{ USD} = 83.600.000\text{đ}$ , chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT=10%);

4. Căn cứ vào Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định trong vụ án Công ty TNHH S kiện Công ty TNHH H3 vào tháng 4/2022 thì toàn bộ nhà xưởng bị hỏng hóc hoàn toàn, nên Công ty TNHH H3 phải tiến hành xây dựng lại; thời gian ước tính là 03 tháng xây dựng. Buộc Công ty TNHH V phải bồi thường cho Công ty TNHH H3 tiền thuê nhà xưởng Công ty TNHH H3 không thu được trong thời gian xây dựng lại nhà xưởng mới, thành tiền là:

- Xây dựng nhà xưởng số A6:  $03 \text{ tháng} \times 3520 \text{ USD} \times 23.010 \text{ VNĐ}/1 \text{ USD} = 250.800.000\text{đ}$ , chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT=10%).

5. Căn cứ vào Điều 6 Hợp đồng ký hai bên (một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải bồi thường cho bên còn lại tương ứng với số tiền thời gian còn lại của hợp đồng). Trường hợp, Tòa án chấp nhận cho Công ty TNHH V chấm dứt hợp đồng thuê tài sản trước thời hạn, thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH V phải thanh toán trả cho Công ty TNHH H3 thuê chậm trả tài sản thuê trong thời gian chậm trả (giá thuê theo Hợp đồng hai bên đã

ký) và bồi thường thiệt hại nếu do chậm trả và gây thiệt hại cho Công ty TNHH H3 và lãi suất chậm trả theo ngân hàng.

6. Căn cứ vào Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định huyện Cẩm Giàng . Buộc Công ty TNHH V phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH H3, tài sản thuê đã bị Công ty TNHH V làm hư hỏng, cụ thể:

- Nền nhà xưởng bê tông bị vỡ, diện tích  $2.200 \text{ m}^2 \times 15\text{cm} = 330\text{m}^3 \times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^3 = 330.000.000\text{đ}$ , chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT=10%);

7. Căn cứ Hợp đồng thuê bảo vệ để bảo vệ tài sản sau khi cháy (có hợp đồng và hóa đơn kèm theo). Buộc Công ty TNHH V phải chi trả cho Công ty TNHH H3 phí bảo vệ, thời gian tạm tính là 15 tháng đến thời điểm khởi kiện  $\times 7.500.000\text{đ}/\text{tháng} = 112.500.000\text{đ}$ .

8. Căn cứ tài sản bị cháy của Công ty TNHH V còn lưu lại kho bãi nhà xưởng của Công ty TNHH H3. Buộc Công ty TNHH V phải trả tiền lưu kho bãi cho Công ty TNHH H3, thời gian tạm tính là 15 tháng  $\times 3.520\text{USD}/\text{tháng} \times 23.750 = 1.254.000.000\text{đ}$ .

9. Căn cứ việc Công ty TNHH H3 đã gửi thông báo về việc Công ty TNHH V phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH H3 các ngày: 04/11/2021; 03/12/2021; 06/01/2022; và Công ty TNHH V phải trả tiền thuê nhà xưởng bằng các thông báo: 07/3/2022; 11/3/2022; 16/3/2022 qua hình thức gửi Z cho Giám đốc Công ty. Nhưng cho tới thời điểm hiện tại Công ty TNHH H3 chưa nhận được bất cứ một khoản tiền nào của Công ty TNHH V ở các khoản nêu trên. Tổng tiền Công ty TNHH H3 yêu cầu Công ty TNHH V phải bồi thường, thanh toán trả cho Công ty TNHH H3 là: 9.185.195.000đ (bằng chữ: Chín tỷ một trăm tám mươi lăm triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng.

10. Trong trường hợp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH V, thì toàn bộ quyền lợi đó Công ty TNHH H3 sẽ là người thụ hưởng. Căn cứ: Điều 4 của hợp đồng ký hai bên (trong trường hợp có tranh chấp thì toàn bộ phần đặt cọc là tài sản của Công ty TNHH V chuyển thành tài sản của Công ty TNHH H3).

Công ty TNHH H3 tự nguyện chịu cả tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá đã chi; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Kết luận giám định số 3891/C09-P2-** ngày 14/11/2021 của V1, Bộ C1 kết luận: Điểm xuất phát cháy nằm ở khu vực giáp tường phía Tây, cách tường phía Nam 14,5m, bên trong xưởng sản xuất của Công ty TNHH S thuê nhà xưởng A5 của Công ty TNHH H3, có địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nguyên nhân cháy: do chập mạch điện ở ổ cắm điện, gắn trên tường phía Tây, làm cháy lớp vỏ cách điện, sau đó cháy lan ra xung quanh dẫn đến vụ cháy nói trên.

*Kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản thể hiện:* tại vị trí nền nhà xưởng A6 do các đương sự chỉ là một nhà xưởng mới tinh, bên trong xưởng chưa có gì, Công ty TNHH H3 chưa cho ai thuê (không còn hiện trường nhà xưởng A6 cháy). Đối với các máy móc cháy trong nhà xưởng A6 ông Đ đã di dời sang khu hộ kinh doanh Vũ Văn Đ. Hội đồng định giá xác định các tài sản cháy không còn giá trị sử dụng, hạn rỉ chỉ là phế liệu (sắt vụn), thu hồi theo giá sắt vụn. Sau khi cân được tổng  $34.649\text{đ} \times 9.000\text{đ/kg} = 311.841.000\text{đ}$ .

*Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải* ngày 11/8/2023, vắng mặt nguyên đơn; có mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Quá trình giải quyết bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Ngày 30/8/2023, Công ty TNHH V gửi Đơn phản tố đối với Công ty TNHH H3: 1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H3.

2. Buộc Công ty TNHH H3 hoàn trả lại cho Công ty TNHH V toàn bộ số tiền đặt cọc là 240.000.000đ.

3. Công ty TNHH H3 hoàn trả lại cho Công ty TNHH V toàn bộ số thiết bị, máy móc đã bị cháy do Công ty TNHH H3 đang chiếm giữ.

4. Công ty TNHH H3 phải trả lại cho Công ty TNHH V số tiền thuê nhà xưởng Công ty TNHH V đã thanh toán cho Công ty TNHH H3 trong thời gian không sử dụng kể từ ngày 11/10/2021 là: 04 tháng 20 ngày trong đó tiền thuê 1 tháng là 3.520 USD/1 tháng tương ứng với số tiền 3.520 USD x 4 tháng + (3.520 USD/30 ngày x 20 ngày) = 16.426 USD tương ứng với 391.365.876VNĐ ( áp dụng tỷ giá trung tâm của Ngân hàng N công bố tỷ giá trung tâm của Đ1 với đô la Mỹ 1 USD = 23.826VNĐ).

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 24/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã Quyết định:

**Căn cứ** khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 02/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 3.385.074.544đ của Nguyên đơn (Công ty TNHH V).

[ 2] Đình chỉ đối với 09 yêu cầu độc lập với tổng số tiền 9.185.195.000đ của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH H3).

[3]. Không chấp nhận yêu cầu độc lập thứ 10 của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH H3) về việc Công ty TNHH H3 đề nghị được

thụ hưởng toàn bộ quyền lợi trong trường hợp Công ty Ông C phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH V.

[4]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Công ty TNHH V). Buộc Công ty TNHH H3 và Công ty TNHH S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tài sản bị cháy cho Công ty TNHH V tổng là 1.087.437.060đ.

Trách nhiệm của Công ty TNHH S phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 761.205.942đ (*bảy trăm sáu mươi một triệu hai trăm linh năm nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*);

Trách nhiệm của Công ty TNHH H3 phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 326.231.118đ (*ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi một nghìn một trăm mười tám đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí và các chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2023, bà Nguyễn Minh T - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V kháng cáo một phần bản án đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH H3 hoàn trả lại cho Công ty TNHH V toàn bộ xác máy móc thiết bị của Công ty TNHH V đang được Công ty TNHH H3 thu giữ quản lý.

Ngày 06/10/2023, ông Phạm Văn H1 - người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S kháng cáo toàn bộ bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH S.

Ngày 03/7/2024 người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn nộp đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo nêu trên và sẽ giải quyết tranh chấp này với Công ty TNHH H3 trong một vụ án khác.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH H3 phải trả cho Công ty TNHH V toàn bộ xác máy móc thiết bị của Công ty TNHH V đang được Công ty TNHH H3 thu giữ quản lý.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị

HĐXX phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 24/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Công ty TNHH H3 vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo về việc buộc Công ty TNHH H3 hoàn trả lại cho Công ty TNHH V toàn bộ xác máy móc thiết bị của Công ty TNHH V đang được Công ty TNHH H3 thu giữ quản lý. Việc rút kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, căn cứ vào Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét nội dung kháng cáo, HĐXX xét thấy:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại kết luận của Bộ C1 và Biên bản khám nghiệm hiện trường thì sự kiện pháp lý cháy xảy ra là do chập mạch điện tại ổ cắm trên tường của Công ty TNHH S dẫn đến cháy toàn bộ nhà xưởng số 4 (A5) của Công ty TNHH S và cháy lan sang nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 601 Bộ luật dân sự quy định: Nguồn nguy hiểm cao độ bao gồm phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện...nhưng trên thực tế hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về hệ thống tải điện. Cấp sơ thẩm đánh giá nguyên nhân cháy không phải do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng làm căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S và Công ty TNHH H3 đều thừa nhận nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V thuê của Công ty TNHH H3 sát liền kề nhà xưởng số 04 (tức A5) của Công ty TNHH S, hai nhà xưởng chung nhau 1 bức tường xây 10 lửng, phía trên chấn tôn, trước khi cháy có thấy nhiều máy móc thiết

bị đặt tại xưởng A6 và người của Công ty TNHH V vận hành sử dụng. Đêm ngày 11/10/2021 tại nhà xưởng số 04 (A5) của Công ty TNHH S đã xảy ra chập mạch điện ở ổ cắm trên tường làm cháy nhà xưởng A5 của Công ty TNHH S; sau đó cháy lan sang nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V là có thật. Khám nghiệm hiện trường tại nhà xưởng A6 vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 16/10/2021 có nhiều xác máy bị cháy cụ thể như: máy cắt, máy dán và đóng gói, máy in màu, máy cắt phôi, máy nén khí. Tại phiên thẩm định tài sản ngày 07/6/2023 có mặt người đại diện của Công ty TNHH H3 và Công ty TNHH V được kiểm đếm xác nhận tại 2 bãi chứa có 15 hạng mục xác máy còn đọc được mã số hoặc seri. Sau khi đối chiếu các tài sản có mã số hoặc seri liệt kê tại Biên bản thẩm định ngày 07/6/20234 trùng với 13/17 hạng mục có trong Phụ lục máy móc thiết bị Công ty TNHH V yêu cầu, cụ thể:

1. Xác máy in 3 màu tự động số seri XYLS2018032603 Model 1200X28; bộ phận trục chính, bộ phận trục chuyên, bộ phận xếp giấy đi theo máy in 3 màu tự động (mục 2.6, 3.1, 3.2 và 3.3 Biên bản thẩm định). Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; ngày mua 09/5/2018; nguyên giá tài sản 766.614.710đ; ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

2. Xác máy in 1 màu tự động số seri XYCS2018032602 Model 1200X2800MM; bộ phận xếp giấy đi theo máy in 1 màu tự động (mục 2.2 và 3.4 Biên bản thẩm định). Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; ngày mua 09/5/2018; nguyên giá tài sản 301.354.340đ; ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

3. Xác máy in 1 màu bán tự động số seri XYLS2018032601 Model 1200X2800MM; bộ phận trục chuyên đi theo xác máy in 1 màu bán tự động (mục 2.1 và 2.5 Biên bản thẩm định). Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; ngày mua 09/5/2018; nguyên giá tài sản 429.119.670đ; ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

4. Xác máy cắt vách to số seri XYSC2018032611 Model 2000MM; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; ngày mua 09/5/2018, nguyên giá tài sản 52.983.630đ; ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

5. Xác máy đóng gói 2 số seri XYSC2018032612 Model 1000MM; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 36.163.430đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

6. Xác máy đóng gói 1 số seri XYSC2018032613 Model 1000MM; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 36.163.430đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

7. Xác máy nén khí trục vít Model JNV22-8; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 0000044; nguyên giá tài sản 184.000.000đ; ngày mua 15/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

8. Xác máy cắt vách bé bị cháy không xác định được số seri và model; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 42.482.370đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

9. Xác máy dán thùng bán tự động 1 bị cháy không xác định được số seri và model (theo phụ lục số thứ tự 04); Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 96.420.660đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

10. Xác máy dán thùng bán tự động 2 bị cháy không xác định được số seri và model (theo phụ lục số thứ tự 05); Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 96.420.660đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

11. Xác máy dập ghim bán tự động bị cháy không xác định được số seri và model; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 197.660.080đ; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

12. Xác máy phân giấy bán tự động bị cháy không xác định được số seri và model; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 101991095032; nguyên giá tài sản 84.373.760; ngày mua 09/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018;

13. B2 chứa khí nén 600L; Số hóa đơn, số tờ khai hải quan 0000044; nguyên giá tài sản 19.500.000đ; ngày mua 15/5/2018, ngày đưa vào sử dụng 01/6/2018.

Sau khi tính toán trừ khấu hao sử dụng tháng 6,7,8,9,10,11,12/2018; 12 tháng năm 2019; 12 tháng năm 2020 và 09 tháng năm 2021 theo tinh thần của hướng dẫn trên; Giá trị thiệt hại tài sản của: 1. Máy in 3 màu tự động còn lại 511.076.470đ; 2. Máy in 1 màu tự động số seri XYCS2018032602 còn lại 200.902.900đ; 3. Máy in 1 màu bán tự động số seri XYLS2018032601 còn lại 286.079.790đ; 4. Máy cắt vách to còn lại 27.753.310; 5. Máy đóng gói 2 số seri XYSC2018032612 còn lại 18.942.750; 6. Máy đóng gói 1 số seri XYSC2018032613 còn lại: 18.942.750đ; 7. Máy nén khí trục vít còn lại: 61.333.320đ; 8. Máy cắt vách bé còn lại: 22.252.650đ; 9. Máy dán thùng bán tự động 1 còn lại: 50.506.060đ; 10. Máy dán thùng bán tự động 2 còn lại: 50.506.060đ; 11. Máy dập ghim bán tự động: 103.536.240đ; 12. Máy phân giấy bán tự động: 44.195.760đ; 13. B2 chứa khí nén 600L còn lại 3.250.000đ. Tổng là: 1.399.278.060đ.

Cấp sơ thẩm xác định thiệt hại thực tế của Công ty TNHH V tại thời điểm cháy là 1.399.278.060đ. Sau khi hỏa hoạn xảy ra toàn bộ tài sản của Công ty TNHH V bị cháy trụi đã trở thành phế liệu 34.649kg sắt vụn định giá được 311.841.000đ hiện Công ty TNHH H3 đang quản lý, nên giá trị thiệt hại còn lại được xác định là: 1.399.278.060đ - 311.841.000đ = 1.087.437.060đ là phù hợp.

Mặc dù không xác định có yếu tố tác động của con người nhưng đánh giá yếu tố lỗi chính dẫn đến cháy nhà xưởng và thiệt hại của Công ty TNHH V là của Công ty TNHH S.

Công ty TNHH H3 luôn khẳng định xây dựng nhà xưởng A6 đúng quy hoạch nhưng Bản đồ quy hoạch được phê duyệt năm 2016 thể hiện vị trí số 7 trong Bản đồ là nhà xưởng số 4 chính là A5 cho Công ty TNHH S thuê. Xung quanh bên cạnh nhà xưởng số 4 tức A5 không có nhà xưởng nào liền kề. Nhưng thực tế tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/10/2021 mô tả tại thời điểm cháy nhà xưởng số 4 (A5) của Công ty TNHH S có chung 01 bức tường xây lửng dẫn đến cháy lan sang nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V; việc hai xưởng liền kề chung nhau 1 bức tường 10 xây lửng, phía trên là tôn đã được các đương sự thừa nhận và phù hợp với bản ảnh Công ty TNHH V giao nộp. Theo quy hoạch trong Bản đồ thì tại vị trí nhà xưởng A6 là bãi chứa nguyên liệu được đánh số 17 (không phải nhà xưởng). Do nhà xưởng A6 không được cấp phép xây dựng và xây dựng không đúng quy hoạch phê duyệt nên việc nhà xưởng số 4 (A5) của Công ty TNHH S cháy đã lan sang nhà xưởng liền kề A6 của Công ty TNHH V và thiệt hại xảy ra có một phần lỗi của Công ty TNHH H3.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, sự kiện cháy tại nhà xưởng A5 của Công ty TNHH S sau đó cháy lan sang nhà xưởng A6 của Công ty TNHH V trong đó có máy móc của Công ty TNHH V. Công ty TNHH S và Công ty TNHH H3 đều có lỗi và đều phải có trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra. Cấp sơ thẩm đánh giá Công ty TNHH S phải chịu trách nhiệm chính đối với thiệt hại là 70%, Công ty TNHH H3 phải chịu trách nhiệm 30% đối với tổng thiệt hại xảy ra. Tổng thiệt hại của Công ty TNHH V là 1.087.437.060đ; Công ty TNHH S và Công ty TNHH H3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường. Trên cơ sở đánh giá yếu tố lỗi thì Công ty TNHH S phải chịu trách nhiệm bồi thường là  $1.087.437.060đ \times 70\% = 761.205.942đ$ ; Công ty TNHH H3 chịu trách nhiệm bồi thường là  $1.087.437.060đ \times 30\% = 326.231.118đ$ .

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc Công ty TNHH S phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 761.205.942đ là có căn cứ. Công ty TNHH S kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Từ phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty TNHH S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Công ty TNHH S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH H3 hoàn trả lại cho Công ty TNHH V toàn bộ xác máy móc thiết bị của Công ty TNHH V đang được Công ty TNHH H3 thu giữ quản lý.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH S; giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 24/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 02/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.  
Xử:

[1] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 3.385.074.544đ của Nguyên đơn (Công ty TNHH V).

[ 2] Đình chỉ đối với 09 yêu cầu độc lập với tổng số tiền 9.185.195.000đ của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH H3).

[3]. Không chấp nhận yêu cầu độc lập thứ 10 của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH H3) về việc Công ty TNHH H3 đề nghị được thụ hưởng toàn bộ quyền lợi trong trường hợp Công ty TNHH S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH V.

[4]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Công ty TNHH V). Buộc Công ty TNHH H3 và Công ty TNHH S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tài sản bị cháy cho Công ty TNHH V tổng là 1.087.437.060đ.

Trách nhiệm của Công ty TNHH S phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 761.205.942đ (*bảy trăm sáu mươi một triệu hai trăm linh năm nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng*);

Trách nhiệm của Công ty TNHH H3 phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 326.231.118đ (*ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi một nghìn một trăm mười tám đồng*).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,  
Lưu Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Trường**